TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/KDTM-ST
Ngày 29 - 11 - 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Văn

2. Bà Nguyễn Thị Ngân Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hoà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 22/2019/TLST-KDTM ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2019/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2019/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 99/2019/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần N; địa chỉ:, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông N – Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông V – Phó Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần N - Chi nhánh Quảng Bình; địa chỉ: Số, đường L, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Theo văn bản uỷ quyền số: 13/UQ-VCB.QB ngày 04/01/2019, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Đặng Thị N, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã Đ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Văn H, sinh năm 1936; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã Đ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2019 và qua quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N trình bày:

Theo Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 147/2017/VCB.QB ngày 14/7/2017 được ký kết giữa: Bên cho vay: Ngân hàng TMCP N, chi nhánh Quảng Bình; bên vay: Chị Đặng Thị N, chị N (Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh) để vay với số tiền gốc 450.000.000đ; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn, mục đích vay vốn để thanh toán tiền mua mỹ phẩm các loại phục vụ hoạt động kinh doanh, lãi suất cho vay trong hạn 9,2% năm lãi suất cố định trong thời gian vay, lãi suất đối với dư nợ gốc quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn.

Quá trình vay vốn chị N luôn để xẩy ra nợ quá hạn từ tháng 7/2018 đến tháng 12/2018 chị N không trả gốc theo phân kỳ đến hạn, cũng không trả lãi hàng tháng, luôn chây lỳ, không hợp tác để trả nợ nên để nợ quá hạn kể từ ngày 25/7/2018 và chuyển nợ xấu từ ngày 14/10/2018. Ngày 27/11/2019 chị Nương đã trả cho Ngân hàng 70.000.000đ tiền gốc.

Tính đến ngày 29/11/2019 tổng dư nợ của chị Đặng Thị N phải cả gốc và lãi là 464.051.452 đồng, trong đó nợ gốc: 380.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 55.656.219đ; và lãi quá hạn 28.395.233 đồng.

Quá trình vay chị Đặng Thị N đã thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 15; diện tích 979 m^2, số BB 749199, số vào sổ cấp GCN: CH 00050 do UBND thành phố Đồng Hới cấp ngày 24/5/2010 mang tên ông Đặng Văn H, tài sản gắn liền với đất là nhà ở cấp 4, xây tường gạch, diện tích xây dựng 70m^2, tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho bên thứ ba, số 873/2012/VCB.QB ngày 18/10/2012 ký giữ: Bên thế chấp ông Đặng Văn H, bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP N – chi nhánh Quảng Bình, bên vay vốn chị Đặng Thị N.

Nay Ngân hàng TMCP N yêu cầu chị N phải thanh toán bộ số tiền gốc và lãi trên và tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng đã được ký kết giữa Ngân hàng và chị N.

- Trường hợp chị Nương không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ thì yêu cầu về xử lý tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng

* Ý kiến của bị đơn chị Đặng Thị N tại bản tự khai và biên bản hoà giải ngày 23/5/2019 trình bày: Về khoản nợ của chị N đã vay tại Ngân hàng TMCP N với số tiền nợ gốc: 450.000.000đ. Ngày 29/11/2019 chị trả 70.000.000đ tiền gốc còn lại tính đến ngày 29/11/2019 tổng dư nợ của chị Đặng Thị N phải cả gốc và lãi là 464.051.452đ, trong đó nợ gốc: 380.000.000đ, nợ lãi trong hạn 55.656.219 đ; và quá hạn 28.395.233đ, chị thừa nhận. Quá trình vay chị có thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 749199, số vào sổ cấp GCN: CH 00050 do UBND thành phố Đồng Hới cấp ngày 24/5/2010

mang tên ông Đặng Văn H tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 15; diện tích 979 m2, tại xã Đ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình và tài sản gắn liền với đất là nhà ở cấp 4, xây tường gạch, diện tích xây dựng 70m^2 tại Hợp đồng chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho bên thứ ba số 873/2012/VCB.QB ngày 18/10/2012 ký giữ Ngân hàng TMCP N - chi nhánh Quảng Bình và ông Đặng Văn H (bên thế chấp), bà Đặng Thị N (bên vay vốn).

Tuy nhiên, do làm ăn khó khăn nên xin Ngân hàng cho thêm một thời gian để sắp xếp trả nợ.

* Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông H đã trình bày tại bản tự khai và biên bản hoà giải ngày 23/5/2019: Quá trình vay vốn của chị N (con ông) ông có thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 749199, số vào sổ cấp GCN: CH 00050 do UBND thành phố Đồng Hới cấp ngày 24/5/2010 mang tên ông Đặng Văn H tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 15; diện tích 979 m2, tại Đức Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình và tài sản gắn liền với đất là nhà ở cấp 4, xây tường gạch, diện tích xây dựng 70m^2 tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho bên thứ ba số 873/2012/VCB.QB ngày 18/10/2012 ký giữa Ngân hàng TMCP N - chi nhánh Quảng Bình và ông Đặng Văn H (bên thế chấp), bà Đặng Thị N (bên vay vốn). Hiện nay chị N làm ăn khó khăn xin Ngân hàng một thời gian một thời sẽ trả nợ.

Tại phiên toà phía Ngân hàng yêu cầu chị N trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/10/2019 là 464.051.452đ, trong đó nợ gốc: 380.000.000đ, nợ lãi trong hạn 55.656.219đ; và lãi quá hạn 28.395.233đ. Trong trường hợp chị N không trả hết số tiền trên thì yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng. Chị N thừa nhận nợ nhưng xin Ngân hàng cho gia hạn một thời gian để trả nợ, chị thừa nhận có thế chấp tài sản của ông H như Ngân hàng đã trình bày, ông H vắng mặt nên không có ý kiến.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" tranh chấp phát sinh trong hoạt động tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng thương mại cổ phần N và chị Đặng Thị N là hộ đăng ký kinh doanh, hiện trú tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Toà án thông báo cho các bên đương sự đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, các

bên đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án đã ra Quyết định xét xử vụ án số 112/2019/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 9 năm 2019 để xét xử vào ngày 30/9/2019, Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng nói trên cho chị N, ông H nhận trực tiếp theo quy định của Điều 172, Điều 173 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2019/QĐST-KDTM ngày 30/9/2019 đồng thời ấn định thời gian xét xử lại ngày 29/10/2019 và tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng nói trên cho chị N, ông H nhận trực tiếp theo quy định của Điều 172, 173 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 29/10/2019 chị N, ông H tiếp tục vắng mặt lần thứ hai nhưng ông H đang ốm thuộc trường hợp bất khả kháng. HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 99/2019/QĐST-KDTM ngày 29/10/2019 đồng thời ấn định thời gian xét xử lại ngày 29/11/2019 và tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng nói trên cho chị N, ông H nhận trực tiếp theo quy định của Điều 172, 173 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 29/11/2019 chị Nương có mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H vắng mặt. Toà án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần N yêu cầu chị N trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/10/2019 là 464.051.452đ, trong đó nợ gốc: 380.000.000đ, nợ lãi trong hạn 55.656.219đ; và lãi quá hạn 28.395.233đ và tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng nêu trên, Hội đồng xét xử thấy:

Theo Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 147/2017/VCB.QB ngày 14/7/2017 được ký kết giữa: Bên cho vay: Ngân hàng TMCP N, chi nhánh Quảng Bình; bên vay: Chị Đặng Thị N, chị N để vay với số tiền gốc 450.000.000đ thể hiện tại Giấy nhận nợ số 01 ngày 14/7/2017; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn là ngày 15/7/2019, mục đích vay vốn để thanh toán tiền mua mỹ phẩm các loại phục vụ hoạt động kinh doanh, lãi suất cho vay trong hạn 9,2% năm lãi suất cố định trong thời gian vay, lãi suất đối với dư nợ gốc quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn, lãi chậm trả áp dụng 10% năm trên số dư lãi chậm trả.

Theo Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 147/2017/VCB.QB ngày 14/7/2017 ký kết giữa Ngân hàng và chị N tuân theo quy định của pháp luật, các bên có năng lực hành vi dân sự, việc giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, mục đích giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức, nội dung của hợp đồng tuân theo quy định của Điều 117, 119, 385, 405, 463, của Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng 2010, chị N có lập giấy đề nghị vay vốn, tham gia vào việc định giá tài sản thế chấp, Hợp đồng ký kết có hiệu lực đã được các bên thực hiện, chị N đã nhận được số tiền vay vốn do phía Ngân hàng giải ngân. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị N chưa trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng nên số nợ chuyển sang quá hạn hạn từ 25/7/2018 từ đó đến nay chị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đã vi phạm Điều 2, Điều 3, Điều

6 của Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn và Giấy nhận nợ số 01 ngày 14/7/2017 đã ký kết. Ngày 27/11/2019 chị Nương đã trả cho Ngân hàng 70.000.000đ tiền gốc. Nay Ngân hàng yêu cầu chị Nương trả khoản tiền lãi và gốc theo hợp đồng tính đến ngày 29/11/2019 là 464.051.452đ, trong đó nợ gốc: 380.000.000đ, nợ lãi trong hạn 55.656.219 đ; và quá hạn 28.395.233đ.

Tại phiên toà chị N thừa nhận khoản nợ trên và căn cứ vào Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn và Giấy nhận nợ số 01 ngày 14/7/2017 xác định được chị N có vay số tiền trên nhưng chưa trả. Do đó, buộc chị N phải trả số nợ gốc và lãi trên cho Ngân hàng là đúng quy định tại Điều 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Và tiếp tục buộc chị N phải trả lãi theo hợp đồng cho đến khi trả hết số tiền nợ trên.

[3.2] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất: Để đảm bảo khoản tiền vay, giữa Ngân hàng và chị N. Ngân hàng và chị N, ông H có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho bên thứ ba, số 873/2012/VCB.QB ngày 18/10/2012, được công chứng ngày 19/10/2012. Tài sản thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 15; địa chỉ tại: Thôn Tân Sơn, xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, diện tích 979 m^2, đã được Uỷ ban nhân dân thành phố Đồng Hới cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 749199, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 00050 ngày 21 tháng 5 năm 2010 mang tên ông Đặng Văn H và tài sản gắn liền với đất là nhà ở cấp 4, xây tường gạch, diện tích xây dựng 70m^2 và các tài sản khác nằm trên thửa đất. Hội đồng xét xử thấy rằng, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đã được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên ông H, theo quy định về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, và được công chứng ngày 19/10/2012 theo trình tự quy định tại khoản 1, 2, 3 ,5, 6 Điều 35 và Điều 46, 47 của Luật Công chứng và được đăng ký giao dich bảo đảm vào ngày 19/10/2012 theo quy định của pháp luật. Tuy tại phiên toà ông Hướng không có mặt nhưng qua bản tự khai và hoà giải ông H thừa nhận đã thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng để chị N vay vốn không có tranh chấp. Như vậy, trình tự thủ tục của Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên, công chứng viên đã thực hiện việc công chứng đúng quy định của pháp luật. Tài sản nhà, đất của ông H nên ông có quyền tự định đoạt tài sản của mình. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thì ông H đã ký vào hợp đồng thế chấp, hợp đồng thế chấp đã được công chứng, việc thế chấp tài sản bảo đảm đúng quy định tại Điều 342, 343, 348, 349, 355 Bộ luật dân sự năm 2005. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho bên thứ ba, số 873/2012/VCB.QB ngày 18/10/2012 được ký kết giữa Ngân hàng và ông H, chị N có hiệu lực pháp luật buộc các bên ký kết phải có nghĩa vụ thi hành. Mặt khác, tại Điều 5 Hợp đồng thế chấp tài sản đã thỏa thuận, các trường hợp xử lý tài sản, khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bản đảm mà khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp khi chị N không trả hết số tiền trên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với tổng số tiền là 464.051.452 đồng là 20 triệu và cộng 4% của phần vượt quá 400

triệu 64.051.452 đ x 4% = 2.562.000đ. Chị N phải chịu 20.000.000đ + 2.562.000đ = 22.562.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Ngân hàng thương mại cổ phần N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về điều luật: Áp dụng khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 117, 119, 463, 465, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 342, 343, 348, 349, 355, 471, 473, 474, 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N**.**

2. Buộc chị Đặng Thị N phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N tính đến ngày 29/10/2019 với tổng số tiền gốc và lãi là 464.051.452đ, trong đó nợ gốc: 380.000.000đ, nợ lãi trong hạn 55.656.219đ; và quá hạn 28.395.233đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/11/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 147/2017/VCB.QB ngày 14/7/2017 được ký kết giữa Ngân hàng và chị N.

3. Tài sản bảo đảm để thi hành nghĩa vụ thi hành án của chị Đặng Thị N gồm:

Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 15; địa chỉ tại: Thôn T, xã Đ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, diện tích 979 m^2, đã được Uỷ ban nhân dân thành phố Đồng Hới cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 749199, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 00050 ngày 21 tháng 5 năm 2010 mang tên ông Đặng Văn H. Đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho bên thứ ba, số 873/2012/VCB.QB ngày 18/10/2012 ký kết giữa: Bên thế chấp ông Đặng Văn H, bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP N– chi nhánh Quảng Bình, bên vay vốn chị Đặng Thị N, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 19/10/2012.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay, Ngân hàng thương mại cổ phần N - Chi nhánh Quảng Bình là nơi đang lưu giữ giấy tờ về tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản nói trên chịu trách nhiệm chuyển giao các giấy tờ về tài sản thế chấp cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới để xử lý theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Xử buộc chị Đặng Thị N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 22.562.000đ, để sung quỹ Nhà nước.

- Ngân hàng thương mại cổ phần N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí 11.565.989 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000887 ngày 25/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh.
- VKSND TP Đồng Hới.
- Chi cục THADS TP Đồng Hới.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Văn Lộc